

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-40

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2014 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên	
Ông Triệu Quang Vinh	Ủy viên	
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2015
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Triệu Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Phương Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/04/2015
Bà Lê Như Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2015
Bà Hà Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2015
Bà Nguyễn Thị Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2015
Bà Phạm Thị Hồng Bích	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2015
Bà Trần Bạch Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội được lập ngày 02 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		229.236.076.006	361.421.542.961
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.016.382.263	44.333.813.202
111	1. Tiền		5.016.382.263	4.333.813.202
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	40.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		147.411.477.141	176.254.089.490
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	179.785.552.839	189.543.006.961
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.336.776.696	30.354.099.228
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.039.889.838	3.308.879.444
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.750.742.232)	(46.951.896.143)
140	IV. Hàng tồn kho	8	74.077.717.948	134.190.132.828
141	1. Hàng tồn kho		81.531.717.948	139.563.132.828
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.454.000.000)	(5.373.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.730.498.654	6.643.507.441
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	26.122.491	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.704.376.163	6.643.507.441
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.230.657.130	28.266.159.075
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		40.000.000	40.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	40.000.000	40.000.000
220	II. Tài sản cố định		21.811.762.330	21.428.984.895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	21.280.491.330	20.702.442.835
222	- Nguyên giá		61.218.823.733	56.438.319.715
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.938.332.403)	(35.735.876.880)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	531.271.000	726.542.060
228	- Nguyên giá		2.454.012.340	2.454.012.340
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.922.741.340)	(1.727.470.280)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		120.769.026	120.769.026
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		120.769.026	120.769.026
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	6.106.940.941	6.106.940.941
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.920.600.000	11.920.600.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.813.659.059)	(5.813.659.059)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.151.184.833	569.464.213
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.151.184.833	569.464.213
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		258.466.733.136	389.687.702.036

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		185.950.499.742	322.878.629.254
310	I. Nợ ngắn hạn		185.950.499.742	322.878.629.254
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	20.826.355.612	8.374.487.884
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.583.760.978	5.933.958.523
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	36.831.224	17.354.963.014
314	4. Phải trả người lao động		5.507.127.976	4.750.391.416
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	451.759.050	5.670.112.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	190.909.092
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.142.417.990	3.112.830.609
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	148.329.298.395	277.351.228.199
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		72.948.517	139.748.517
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.516.233.394	66.809.072.782
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	72.516.233.394	66.809.072.782
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		90.000.000.000	90.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.599.851.779	3.599.851.779
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.083.618.385)	(26.790.778.997)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(26.790.778.997)	(37.323.688.901)
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		5.707.160.612	10.532.909.904
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		258.466.733.136	389.687.702.036



Kiều Thị Thu Hương
Người lập



Đặng Thị Yên
Trưởng phòng Tài chính kế toán

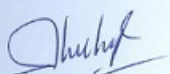


Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.269.730.740.154	2.122.986.810.340
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.726.390.397	682.351.727
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.268.004.349.757	2.122.304.458.613
11	4. Giá vốn hàng bán	21	2.191.046.104.863	2.068.675.058.374
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.958.244.894	53.629.400.239
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	15.544.854.379	5.060.820.051
22	7. Chi phí tài chính	23	12.481.326.144	13.111.532.066
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.617.209.355	7.627.943.186
25	8. Chi phí bán hàng	24	78.305.190.464	36.725.407.938
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19.101.789.421	23.509.071.250
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.385.206.756)	(14.655.790.964)
31	11. Thu nhập khác	26	25.967.994.373	32.916.515.451
32	12. Chi phí khác	27	245.527.005	1.270.277.243
40	13. Lợi nhuận khác		25.722.467.368	31.646.238.208
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.337.260.612	16.990.447.244
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.630.100.000	6.457.537.340
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.707.160.612	10.532.909.904
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	634	1.170



Kiều Thị Thu Hương
Người lập



Đặng Thị Yến
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.337.260.612	16.990.447.244
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.397.726.583	4.506.466.563
03	- Các khoản dự phòng		(1.120.153.911)	7.478.211.285
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(633.032)	9.451.964
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(259.412.659)	(29.423.112.601)
06	- Chi phí lãi vay		11.617.209.355	7.627.943.186
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.971.996.948	7.189.407.641
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		35.524.316.838	(32.629.214.715)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		58.031.414.880	(71.599.353.824)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.711.253.758)	(27.683.232.269)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(607.843.111)	225.001.192
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.745.355.305)	(7.497.668.186)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.630.100.000)	(6.457.537.340)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		458.580.700	8.973.100
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(66.800.000)	(554.273.732)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		94.224.957.192	(138.997.898.133)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.780.504.018)	(671.617.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	29.754.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		259.412.659	141.236.678
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.521.091.359)	29.224.164.860
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.152.885.230.951	1.228.630.496.349
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.281.907.160.755)	(1.082.363.819.862)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(129.021.929.804)	146.266.676.487

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.318.063.971)	36.492.943.214
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.333.813.202	7.841.206.220
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		633.032	(336.232)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>5.016.382.263</u>	<u>44.333.813.202</u>

Kiều Thị Thu Hương
Người lập

Đặng Thị Yến
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2014 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm 2015 là thương mại các sản phẩm ngành thép và một số vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; dịch vụ phục vụ đồ uống; bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Rèn, dập, ép và các kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, Vũ trường).
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ hàng hóa mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; (chi tiết: Thiết bị khóa, kết sắt);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất giấy nhãn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (chi tiết sản xuất bao bì từ plastic);
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ cuối năm 2014 đến nay, Công ty mở rộng hàng hóa kinh doanh thêm mặt hàng than cốc bán theo lô lớn với khách hàng chủ yếu là Công ty Khoáng sản Việt Trung làm doanh thu và chi phí bán hàng (chủ yếu là chi phí vận chuyển) tăng đáng kể so với các năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Hình	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hà Nội	Kinh doanh thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hà Nội	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thép
Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Hải Phòng	Kinh doanh thép

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo của các đơn vị thành viên và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

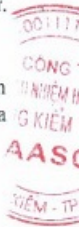
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm: đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết Công ty trích dự phòng dựa trên Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất và những đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi.



2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	157.552.861	130.710.924
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.858.829.402	4.203.102.278
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
	<u><u>5.016.382.263</u></u>	<u><u>44.333.813.202</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	11.920.600.000	(5.813.659.059)	11.920.600.000	(5.813.659.059)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	11.920.600.000	(5.813.659.059)	11.920.600.000	(5.813.659.059)
	11.920.600.000	(5.813.659.059)	11.920.600.000	(5.813.659.059)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nghành nghề kinh doanh
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	Hưng Yên	42,14%	42,14%	Sản xuất và kinh doanh thép

Công ty hiện đang trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này dựa trên Báo cáo kiểm toán tại thời điểm 30/09/2014 để chuẩn bị cho việc thanh lý khoản đầu tư này. Từ đó đến nay, công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh thép Hưng Yên đã gần như ngừng hoạt động. Công ty không thu thập được các Báo cáo tài chính đến thời điểm kiểm toán.

Ban giám đốc Công ty nhận định có khả năng thu hồi được khoản đầu tư này nên không tiếp tục trích lập dự phòng cân cứ vào các tài liệu sau:

- Tô trình số 948/TT-HNS về việc bán tài sản Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép Hưng Yên bán dần giá tài sản của công ty Hưng Yên;
- Công văn số 1766/VNS-HDQT của Tổng Công ty thép Việt Nam - CTCP về việc chỉ đạo công tác thu hồi vốn của Công ty CP Kim khí Hà Nội tại Công ty thép Hưng Yên;
- Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam phát hành tại thời điểm tháng 11/2015 của Lợi thế quyền thuê hạ tầng và tài sản trên đất của Nhà máy ống thép tại KCN Phố Nối của Công ty thép Hưng Yên để làm cơ sở cho giá bán đầu giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL	17.759.072.100	-
- Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện kim Việt Trung	96.564.404.107	116.143.433.822
- Công Ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	21.177.618.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	44.284.458.632	52.221.955.139
	<u><u>179.785.552.839</u></u>	<u><u>189.543.006.961</u></u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	179.785.552.839	189.543.006.961
	<u><u>179.785.552.839</u></u>	<u><u>189.543.006.961</u></u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.	<u><u>114.323.476.207</u></u>	<u><u>116.143.433.822</u></u>

6 . PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	29.353.466	-	3.069.493	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	14.637.391	-	435.387.447	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.222.508	-	-	-
Tạm ứng	444.375.688	-	552.363.967	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	458.580.700	-
Phải thu khác	1.540.300.785	(1.510.030.000)	1.859.477.837	(1.510.030.000)
	<u><u>2.039.889.838</u></u>	<u><u>(1.510.030.000)</u></u>	<u><u>3.308.879.444</u></u>	<u><u>(1.510.030.000)</u></u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	40.000.000	-
	<u><u>40.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>40.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	45.717.012.101	1.966.269.869	53.648.460.698	6.696.564.555
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	21.177.618.000	-	21.177.618.000	-
- Các khoản khác	24.539.394.101	1.966.269.869	32.470.842.698	6.696.564.555
	45.717.012.101	1.966.269.869	53.648.460.698	6.696.564.555

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	19.635.066.000	-
Hàng hoá	72.158.215.824	(7.454.000.000)	119.928.066.828	(5.373.000.000)
Hàng gửi đi bán	9.373.502.124	-	-	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	49.079.740.169	1.769.533.940	5.589.045.606	56.438.319.715
- Mua trong năm	460.697.200	318.181.818	-	778.879.018
- Tăng khác (*)	4.001.625.000	-	-	4.001.625.000
Số dư cuối năm	53.542.062.369	2.087.715.758	5.589.045.606	61.218.823.733
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	31.196.164.214	710.997.187	3.828.715.479	35.735.876.880
- Khấu hao trong năm	3.527.728.394	240.079.813	434.647.316	4.202.455.523
Số dư cuối năm	34.723.892.608	951.077.000	4.263.362.795	39.938.332.403
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	17.883.575.955	1.058.536.753	1.760.330.127	20.702.442.835
Tại ngày cuối năm	18.818.169.761	1.136.638.758	1.325.682.811	21.280.491.330

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm đã dùng thế chấp đảm bảo các khoản vay: 1.608.568.044 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: ồng

(*) Tài sản tăng do xử lý thu hồi công nợ phải thu đối với Công ty TNHH Xuân Giang theo Nghị quyết số 960/NQ-HNS ngày 02/12/2015 của Hội đồng quản trị.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Số dư cuối năm	2.219.012.340	235.000.000	2.454.012.340
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.600.886.944	126.583.336	1.727.470.280
- Khấu hao trong năm	156.604.396	38.666.664	195.271.060
Số dư cuối năm	1.757.491.340	165.250.000	1.922.741.340
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	618.125.396	108.416.664	726.542.060
Tại ngày cuối năm	461.521.000	69.750.000	531.271.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.122.491	-
	26.122.491	-
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	409.590.243	380.192.715
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	612.154.010	115.247.386
Chi phí sửa chữa văn phòng	86.225.906	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	43.214.674	74.024.112
	1.151.184.833	569.464.213

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Liên doanh sản xuất thép VINAUSTEEL	4.046.451.007	4.046.451.007	2.311.881.110	2.311.881.110
- Công ty Khai phát khoáng nghiệp Côn Gang Hà Khẩu	9.373.502.124	9.373.502.124	-	-
Phải trả các đối tượng khác	7.406.402.481	7.406.402.481	6.062.606.774	6.062.606.774
	<u>20.826.355.612</u>	<u>20.826.355.612</u>	<u>8.374.487.884</u>	<u>8.374.487.884</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	20.826.355.612	20.826.355.612	8.374.487.884	8.374.487.884
	<u>20.826.355.612</u>	<u>20.826.355.612</u>	<u>8.374.487.884</u>	<u>8.374.487.884</u>
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.	4.509.324.077	4.509.324.077	3.992.323.357	3.992.323.357

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	14.929.620	40.739.926.844	40.743.554.894	-	11.301.570	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.630.100.000	2.630.100.000	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	37.357.000	127.642.599	150.085.599	-	14.914.000	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất (*)	-	17.302.676.394	13.732.997.406	31.025.058.146	-	10.615.654	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	31.013.378	31.013.378	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Tiền thuế đất thực nộp trong năm bao gồm cả số được miễn giảm của các năm trước là 12.886.570.033 đồng.



14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	151.759.050	279.905.000
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận, vận chuyển hàng hóa	175.000.000	5.390.207.000
- Chi phí phải trả khác	125.000.000	-
	<u>451.759.050</u>	<u>5.670.112.000</u>

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	23.880.318	23.880.318
- Kinh phí công đoàn	373.574	13.206.299
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	79.795.000	79.795.000
- Các khoản phải trả về Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	2.421.886.262	2.445.886.262
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	616.482.836	550.062.730
	<u>3.142.417.990</u>	<u>3.112.830.609</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình (1)	149.018.709.170	149.018.709.170	490.941.096.483	555.548.660.505	84.411.145.148	84.411.145.148
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (2)	62.047.500.483	62.047.500.483	387.009.863.480	418.018.735.216	31.038.628.747	31.038.628.747
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (3)	49.374.769.756	49.374.769.756	249.506.357.708	266.001.602.964	32.879.524.500	32.879.524.500
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (4)	16.910.248.790	16.910.248.790	25.427.913.280	42.338.162.070	-	-
	277.351.228.199	277.351.228.199	1.152.885.230.951	1.281.907.160.755	148.329.298.395	148.329.298.395

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 822/2015-HĐTDHM/NHCT124-HNS ngày 28/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 28/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016, thời hạn tối đa của khế ước nhận nợ là 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng là 6,00%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp theo HĐ 01-08/HĐTCKK ngày 09/06/2008 tòa nhà làm việc 5 tầng tại 20 Tôn Thất Tùng và toàn bộ vật kiến trúc tại Tam Hiệp (Thanh Trì).
- (2) Hợp đồng tín dụng số 119/2015-HĐTDHM/NHCT126-HNS ngày 23/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng, hạn mức đến ngày 31/12/2015 là 50 tỷ;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 23/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016, thời hạn tối đa của khế ước nhận nợ là 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng là 6,00%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp theo các hợp đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 73/2015-HĐTDHM/NHCT129-KIMKHIHANOI ngày 28/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 28/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016, thời hạn tối đa của khế ước nhận nợ là 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ, lãi suất đang áp dụng là 6,00%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	-	3.599.851.779	(37.323.688.901)	56.276.162.878
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	10.532.909.904	10.532.909.904
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	-	3.599.851.779	(26.790.778.997)	66.809.072.782
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	-	3.599.851.779	(26.790.778.997)	66.809.072.782
Lãi/lỗ trong năm này	-	-	-	5.707.160.612	5.707.160.612
Số dư cuối năm này	90.000.000.000	-	3.599.851.779	(21.083.618.385)	72.516.233.394

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	80.431.500.000	89,37%	80.431.500.000	89,37%
Vốn góp của các cổ đông khác	9.568.500.000	10,63%	9.568.500.000	10,63%
	90.000.000.000	100%	90.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	3.599.851.779
	<u>3.599.851.779</u>	<u>3.599.851.779</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.037,66	1.050,18

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.235.165.322.735	2.090.374.751.616
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.565.417.419	32.612.058.724
	<u>2.269.730.740.154</u>	<u>2.122.986.810.340</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<u>1.001.340.724.052</u>	<u>779.823.335.581</u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	716.161.287	111.760.990
Hàng bán bị trả lại	-	252.079.280
Giảm giá hàng bán	1.010.229.110	318.511.457
	<u>1.726.390.397</u>	<u>682.351.727</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.157.770.253.687	2.044.509.627.948
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.194.851.176	23.370.964.987
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.081.000.000	794.465.439
	<u>2.191.046.104.863</u>	<u>2.068.675.058.374</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	259.412.659	141.236.678
Lãi bán hàng trả chậm	14.616.402.150	4.889.604.689
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	668.406.538	29.978.684
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	633.032	-
	<u>15.544.854.379</u>	<u>5.060.820.051</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	VND
Lãi tiền vay	11.617.209.355	7.627.943.186
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	316.061.337	23.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	548.055.452	1.288.276.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	9.451.964
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	4.181.150.646
Chi phí tài chính khác	-	4.687.178
	<u>12.481.326.144</u>	<u>13.111.532.066</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.508.965	154.767.859
Chi phí nhân công	13.003.397.851	9.239.999.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.897.704	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.543.201.975	26.741.884.873
Chi phí khác bằng tiền	537.183.969	588.755.782
	<u>78.305.190.464</u>	<u>36.725.407.938</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	459.716.978	1.005.001.656
Chi phí nhân công	7.889.534.919	10.439.285.725
Chi phí khấu hao tài sản cố định	784.268.460	1.288.627.091
Thuế, phí, lệ phí	1.751.266.347	1.634.936.229
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(3.201.153.911)	2.502.595.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.865.172.400	3.552.352.614
Chi phí khác bằng tiền	6.552.984.228	3.086.272.735
	19.101.789.421	23.509.071.250

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn dự án (1)	12.000.000.000	30.500.000.000
Hoàn nhập chi phí thuê đất được miễn giảm đã trích các năm trước (2)	12.886.570.033	1.482.188.635
Thu nhập khác	1.081.424.340	934.326.816
	25.967.994.373	32.916.515.451

(1) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32.

(2) Trong năm, Công ty đã thực hiện quyết toán thống nhất được với cơ quan thuế đơn giá tiền thuê đất phải nộp đến hết năm 2014 và được giảm thuế theo khoản 5, điều 20, Nghị định 46/2104/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và điểm đ khoản 2 mục I, nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng quyền góp vốn dự án (*)	25.000.000	1.218.124.077
Chi phí thuê đất và phạt chậm nộp thuế	142.535.958	22.570.719
Chi phí khác	77.991.047	29.582.447
	245.527.005	1.270.277.243

(*) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.637.739.388)	(12.291.428.679)
Các khoản điều chỉnh tăng	314.135.945	246.549.754
- Chi phí không hợp lệ	314.135.945	246.549.754
Thu nhập tính thuế TNDN	(3.323.603.443)	(12.044.878.925)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	15.524.637
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	15.524.637
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(15.524.637)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế TNDN từ chuyển nhượng quyền phát triển dự án		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ chuyển nhượng quyền phát triển dự án	11.975.000.000	29.281.875.923
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	-
- Chi phí tư vấn chuyển nhượng năm 2014 chưa trừ khi tính thuế	(20.000.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	11.955.000.000	29.281.875.923
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	2.630.100.000	6.442.012.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.630.100.000)	(6.442.012.703)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động chuyển nhượng quyền phát triển dự án	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.630.100.000	6.457.537.340
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.707.160.612	10.532.909.904
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.707.160.612	10.532.909.904
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	634	1.170

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	597.225.943	641.937.999
Chi phí nhân công	20.892.932.770	19.271.868.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.397.726.583	4.506.466.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.149.440.994	30.332.015.451
Chi phí khác bằng tiền	33.924.892.931	28.719.878.358
	131.962.219.221	83.472.167.350

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.016.382.263	-	44.333.813.202	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	181.865.442.677	(43.750.742.232)	192.891.886.405	(46.951.896.143)
	186.881.824.940	(43.750.742.232)	237.225.699.607	(46.951.896.143)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	148.329.298.395	277.351.228.199
Phải trả người bán, phải trả khác	23.968.773.602	11.487.318.493
Chi phí phải trả	451.759.050	5.670.112.000
	172.749.831.047	294.508.658.692

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.016.382.263	-	-	5.016.382.263
Phải thu khách hàng, phải thu khác	138.074.700.445	40.000.000	-	138.114.700.445
	<u>143.091.082.708</u>	<u>40.000.000</u>	<u>-</u>	<u>143.131.082.708</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.333.813.202	-	-	44.333.813.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	145.899.990.262	40.000.000	-	145.939.990.262
	190.233.803.464	40.000.000	-	190.273.803.464

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	148.329.298.395	-	-	148.329.298.395
Phải trả người bán, phải trả khác	23.968.773.602	-	-	23.968.773.602
Chi phí phải trả	451.759.050	-	-	451.759.050
	172.749.831.047	-	-	172.749.831.047
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	277.351.228.199	-	-	277.351.228.199
Phải trả người bán, phải trả khác	11.487.318.493	-	-	11.487.318.493
Chi phí phải trả	5.670.112.000	-	-	5.670.112.000
	294.508.658.692	-	-	294.508.658.692

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 687/2010/HĐHTĐT ngày 30/06/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/2012/PL-HĐHTĐT ngày 27/03/2012, số 02/2013/PL-HĐHTĐT ngày 14/11/2013, Công ty đã hợp tác với Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NHS để hợp tác đầu tư xây dựng Tổ hợp trung tâm thương mại văn phòng và nhà ở tại 75 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội với tổng chi phí đầu tư khái tính là 777,1 tỷ đồng; tổng giá trị vốn góp ít nhất là 115 tỷ đồng. Trong đó, Công ty góp bằng Quyền phát triển dự án tương ứng với 40,5 tỷ đồng, chiếm 35% các bên còn lại góp bằng tiền với giá trị lần lượt là 40,5 tỷ đồng và 34,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 35% và 30%.

Ngày 08 tháng 01 năm 2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 03/2014/PL-HĐHTĐT về việc chuyển nhượng một phần vốn của Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NHS (1 trong 3 bên tham gia góp vốn) với tổng giá trị là 35,5 tỷ đồng, giảm tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Dự án này xuống còn 5%.

Trong năm 2014, Công ty đã tiến hành bán giao đất và các tài sản trên đất tại số 75 Tam Trinh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội cho đối tác và nhận được số tiền 30,5 tỷ đồng để ghi nhận vào thu nhập khác trong năm 2014. Trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nhận nốt số tiền 5 tỷ đồng và ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

Ngày 28 tháng 8 năm 2015, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 04/2014/PL-HĐHTĐT về việc Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp còn lại tương ứng 5% tổng giá trị vốn góp của các bên cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NHS với số tiền 7 tỷ đồng được và được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm. Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty không còn quyền tham gia góp vốn vào dự án nói trên nữa.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán hàng với mặt hàng chủ yếu là các sản phẩm về Thép, than Coke và vật liệu xây dựng và diễn ra trên lĩnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, hoạt động bán hàng hóa chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng		1.001.340.724.052	779.823.335.581
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	21.818.180	21.818.180
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	(2)	104.294.612.000	12.567.042.300
Công ty TNHH Thép Vinausteel	(3)	265.890.729.500	71.665.578.700
Công ty TNHH thép VSC - POSCO	(3)	70.083.690.700	-
Công ty Cổ phần Đolômit Việt Nam	(3)	28.643.268	-
Công ty TNHH Natsteelvina	(3)	13.723.527.200	29.223.404.000
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(3)	437.978.342.704	230.979.948.658
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	(2)	-	33.889.040.400
Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	(2)	-	17.260.400
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(2)	45.624.286.700	173.386.395.000
Công ty CP Thép Thủ Đức	(2)	63.695.073.800	32.706.411.000
Công ty CP Trúc Thôn	(3)	-	67.369.300
Công ty TNHH Thép Tây Đô	(3)	-	136.233.947.743
Mua hàng		1.068.615.841.364	715.821.757.089
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(3)	492.044.008.500	118.839.122.500
Công ty TNHH Thép Vinausteel	(3)	529.993.213.324	550.482.559.071
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	(3)	36.162.085.460	17.847.031.993
Công ty TNHH Natsteelvina	(3)	1.171.536.000	-
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(2)	749.906.680	13.350.823.500
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	(2)	-	226.513.300
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	(3)	140.773.500	3.059.246.725
Công ty TNHH Ống Thép Việt Nam	(3)	8.354.317.900	12.016.460.000
Lãi trả chậm		11.569.743.452	-
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(3)	11.569.743.452	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘISố 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		114.323.476.207	116.143.433.822
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (3)		96.564.404.107	116.143.433.822
Công ty TNHH một thành viên Thép Miền Nam - VNSTEEL (2)		17.759.072.100	-
Phải trả người bán ngắn hạn		4.509.324.077	3.992.323.357
Công ty TNHH Natsteelvina (3)		4.046.451.007	2.311.881.110
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO (3)		462.873.070	240.692.947
Công ty TNHH Ông Thép Việt Nam (3)		-	1.439.749.300

(1): Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

(2): Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

(3): Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	985.059.000	1.047.087.000



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tân Thái Tang, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

36 SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm này.

Sổ liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Sổ liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
131	1. Phải thu khách hàng	189.543.006.961	131	1. Phải thu ngân hàng của khách hàng	189.543.006.961	-
132	2. Trả trước cho người bán	30.354.099.228	132	2. Trả trước cho người bán ngân hàng	30.354.099.228	-
135	5. Các khoản phải thu khác	2.297.934.777	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	3.308.879.444	1.010.944.667
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.010.944.667	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(1.010.944.667)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(46.951.896.143)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(46.951.896.143)	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	40.000.000	40.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác	40.000.000	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(40.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	120.769.026			(120.769.026)	120.769.026
242	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.920.600.000	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	120.769.026	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.920.600.000	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	11.920.600.000	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	277.351.228.199	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	277.351.228.199	-
312	2. Phải trả người bán	8.374.487.884	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	8.374.487.884	-
313	3. Người mua trả tiền trước	5.933.958.523	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.933.958.523	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.354.963.014	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.354.963.014	-
315	5. Phải trả người lao động	4.750.391.416	314	5. Phải trả người lao động	4.750.391.416	-
316	6. Chi phí phải trả	5.670.112.000	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.670.112.000	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện	190.909.092	318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	190.909.092	190.909.092
338	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.112.830.609	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(190.909.092)
319	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	139.748.517	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	3.112.830.609	-
323	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	139.748.517	-
411	7. Quỹ đầu tư phát triển	3.119.675.394	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
417	8. Quỹ dự phòng tài chính	480.176.385	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	3.599.851.779	480.176.385
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(26.790.778.997)	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(26.790.778.997)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đ
-------	---------------	---------	-------	---------------	---------	--------

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 24 8. Chi phí bán hàng
- 25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 25 8. Chi phí bán hàng
- 26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

36.725.407.938

23.509.071.250



Đặng Thị Yến

Trưởng phòng Tài chính kế toán



Kiều Thị Thu Hương

Người lập



Phạm Công Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

